



VNU Journal of Foreign Studies

Journal homepage: <https://jfs.ulis.vnu.edu.vn/>



THE APPLICATION OF FABLE-BASED IDIOMS IN TEACHING CHINESE AS A FOREIGN LANGUAGE

Nguyen Thi Bao Ngan*

*Faculty of Chinese Language and Culture, VNU University of Languages and International Studies,
No.2 Pham Van Dong, Cau Giay, Hanoi, Vietnam*

Received 16 June 2025

Revised 12 September 2025; Accepted 21 October 2025

Abstract: In the context of the growing global influence of the Chinese language, the teaching of fable-based idioms has become more essential than ever. As an important component of Chinese vocabulary, these idioms are not only culturally rich but also convey profound philosophical meanings. However, due to historical backgrounds, narrative complexity, and cultural differences, learners - especially Vietnamese students - often face challenges in comprehending and applying such idioms. Based on a practical survey of second-year Chinese majors and relevant literature analysis, this paper explores the pedagogical value of fable-based idioms in Chinese language instruction, identifies existing challenges in teaching practices, and proposes effective strategies such as storytelling, contextual simulations, classroom games, and the use of translation as a bridge. These methods aim to enhance learners' acquisition of both language and cultural understanding.

Keywords: Chinese language teaching, fable-based idioms, teaching methods, Chinese culture

* Corresponding author.

Email address: baongan0413@gmail.com

<https://doi.org/10.63023/2525-2445/jfs.ulis.5550>

ÁP DỤNG THÀNH NGỮ NGỤ NGÔN TRONG GIẢNG DẠY TIẾNG TRUNG QUỐC

Nguyễn Thị Bảo Ngân

*Khoa Ngôn ngữ và Văn hóa Trung Quốc, Trường Đại học Ngoại ngữ, Đại học Quốc gia Hà Nội,
Số 2 Phạm Văn Đồng, Cầu Giấy, Hà Nội, Việt Nam*

Nhận bài ngày 16 tháng 6 năm 2025

Chỉnh sửa ngày 12 tháng 9 năm 2025; Chấp nhận đăng ngày 21 tháng 10 năm 2025

Tóm tắt: Trong bối cảnh tiếng Trung Quốc ngày càng phát triển mạnh mẽ, việc giảng dạy thành ngữ ngụ ngôn trở nên cần thiết hơn bao giờ hết. Đây là một bộ phận quan trọng trong hệ thống từ vựng tiếng Trung Quốc, vừa giàu tính văn hóa vừa hàm chứa nhiều triết lý sâu sắc. Tuy nhiên, do ảnh hưởng của bối cảnh lịch sử, nội dung truyện và khác biệt văn hóa, người học thường gặp khó khăn trong việc tiếp cận và sử dụng thành ngữ ngụ ngôn. Dựa trên khảo sát thực tế đối với sinh viên năm thứ hai chuyên ngành tiếng Trung Quốc và phân tích tài liệu liên quan, bài viết này tập trung làm rõ giá trị ứng dụng của thành ngữ ngụ ngôn trong giảng dạy tiếng Trung Quốc, những tồn tại trong quá trình dạy học và đề xuất một số chiến lược giảng dạy như: kể chuyện, xây dựng ngữ cảnh, trò chơi và đối chiếu nhằm nâng cao hiệu quả tiếp nhận ngôn ngữ và văn hóa cho người học.

Từ khóa: giảng dạy tiếng Trung Quốc, thành ngữ ngụ ngôn, phương pháp giảng dạy, văn hóa Trung Quốc

1. Dẫn nhập

Trong giảng dạy tiếng Trung Quốc, việc dạy thành ngữ ngụ ngôn là một nhiệm vụ quan trọng và không thể xem nhẹ. Là tinh hoa văn hóa Trung Quốc, thành ngữ ngụ ngôn bắt nguồn từ các tác phẩm văn học cổ điển, mang trong mình những giá trị lịch sử, văn hóa và trí tuệ sâu sắc. Với đặc điểm tự sự và hàm ý phong phú, thành ngữ ngụ ngôn đã trở thành một phần không thể thiếu trong giảng dạy. Cùng với sự phát triển và lan tỏa của tiếng Trung Quốc, những thành ngữ này không chỉ là công cụ học ngôn ngữ mà còn là cầu nối để truyền bá văn hóa Trung Quốc.

Trước hết, thành ngữ ngụ ngôn giúp nâng cao khả năng ngôn ngữ của người học. Với hình ảnh sinh động và các phép ẩn dụ tinh tế, thành ngữ này dễ ghi nhớ và dễ tiếp thu, giúp người học diễn đạt chính xác và mở rộng vốn từ vựng, qua đó nâng cao khả năng giao tiếp và bồi dưỡng phẩm chất văn hóa. Thứ hai, thành ngữ ngụ ngôn là một phương tiện quan trọng để tìm hiểu văn hóa Trung Quốc. Thông qua việc học những thành ngữ này, người học sẽ hiểu sâu hơn về lịch sử, triết lý và các giá trị truyền thống của Trung Quốc, từ đó nâng cao sự đồng cảm và nhận thức văn hóa. Bên cạnh đó, nội dung câu chuyện và ý nghĩa triết lý trong các thành ngữ ngụ ngôn không chỉ khơi gợi hứng thú học tập mà còn rèn luyện tư duy logic, phát huy khả năng sáng tạo, góp phần nâng cao năng lực toàn diện cho người học.

Việc giảng dạy thành ngữ ngụ ngôn cũng thúc đẩy giao lưu văn hóa. Khi người học hiểu rõ tinh hoa văn hóa Trung Quốc, họ sẽ có cái nhìn sâu sắc hơn về tinh thần và nhân sinh quan của người Trung Quốc, qua đó góp phần tích cực vào quá trình giao lưu và trao đổi văn hóa quốc tế. Vì vậy, tăng cường giảng dạy thành ngữ ngụ ngôn không chỉ giúp nâng cao năng lực ngôn ngữ mà còn góp phần bảo tồn và phát huy văn hóa Trung Quốc, đồng thời đào tạo thế hệ sinh viên có tầm nhìn quốc tế, đóng góp vào sự phát triển của giao lưu văn hóa.

Các nghiên cứu trong và ngoài nước thời gian gần đây cho thấy thành ngữ ngụ ngôn

ngày càng được quan tâm trong giảng dạy tiếng Trung Quốc. Nghiên cứu của Cai (2018) tập trung vào việc ứng dụng thành ngữ ngữ ngôn trong giảng dạy ngôn ngữ cho người học tiếng Trung Quốc. Tác giả nhấn mạnh vai trò của ngữ cảnh, kể chuyện và hoạt động lớp học nhằm tăng hứng thú, đồng thời giúp người học hiểu được hàm nghĩa văn hóa ẩn chứa trong thành ngữ. Trong khi đó, Ma (2025) tiếp cận từ góc độ “讲好中国故事” (Những câu chuyện về Trung Quốc), coi thành ngữ không chỉ là đơn vị ngôn ngữ mà còn là phương tiện truyền tải và quảng bá các giá trị văn hóa Trung Quốc ra thế giới, góp phần nâng cao hiệu quả giao lưu văn hóa. Các tác giả đều thống nhất rằng thành ngữ ngữ ngôn giúp người học hiểu sâu hơn đời sống và văn hoá Trung Quốc, song cũng chỉ ra khó khăn là tính trừu tượng và hàm chứa văn hoá sâu, dễ gây trở ngại cho người học nước ngoài. Nghiên cứu của Zhang (2023) thông qua phân tích tài liệu và quan sát lớp học, đã chỉ ra rằng việc giảng dạy loại thành ngữ này còn tồn tại những hạn chế như: thiếu sự diễn giải đầy đủ về ý nghĩa văn hóa và mức độ tương tác trên lớp còn thấp. Tác giả đề xuất sử dụng các phương pháp như: kể chuyện, so sánh - phân tích, giải thích bối cảnh văn hóa... đồng thời bổ sung yếu tố giao thoa văn hóa vào giáo trình nhằm nâng cao hiệu quả giảng dạy thành ngữ. Nghiên cứu của Xü (2021) tập trung phân tích các nguyên tắc chọn lọc, giải thích và sắp xếp thành ngữ trong giáo trình, nhằm giúp người học nước ngoài nắm vững nghĩa, cách dùng và văn hóa Hán ngữ. Tại Việt Nam, Nguyễn Đình Hiền (2019) đã khảo sát 150 bài thi viết của sinh viên Trường Đại học Ngoại ngữ, Đại học Quốc gia Hà Nội, thống kê số lượng lỗi dùng thành ngữ, từ đó đề xuất giải pháp sư phạm. Ngô Hoài Điệp và Đỗ Hồng Thanh (2021) nghiên cứu tính văn hoá được phản ánh qua nhóm thành ngữ (nhóm chữ “hòa”), đồng thời gợi ý cách liên hệ văn hóa khi dạy thành ngữ cho người Việt.

Hiện nay, số lượng nghiên cứu khảo sát về những khó khăn của sinh viên trong quá trình học thành ngữ ngữ ngôn còn khá hạn chế. Chúng ta vẫn chưa nắm rõ được những vướng mắc, nguyên nhân dẫn đến việc sử dụng sai thành ngữ ngữ ngôn, cũng như chưa xây dựng được một hệ thống giải pháp để khắc phục các lỗi này. Bài viết tiến hành khảo sát và phân tích thực trạng sử dụng thành ngữ ngữ ngôn của sinh viên năm thứ hai chuyên ngành tiếng Trung Quốc nhằm tìm kiếm câu trả lời cho các vấn đề trên. Mục tiêu hướng tới là góp phần nâng cao chất lượng giảng dạy ngữ pháp tiếng Trung Quốc cho sinh viên Việt Nam.

2. Ý nghĩa nghiên cứu và phương pháp nghiên cứu

2.1. Ý nghĩa nghiên cứu

Thành ngữ là một phần quan trọng trong hệ thống từ vựng, mang tính ẩn dụ, được coi là sự kết tinh của tư duy và văn hóa Trung Quốc, do đó, việc học thành ngữ có độ khó cao. Thành ngữ ngữ ngôn đặc biệt nổi bật nhờ tính lịch sử, có thể kể bằng văn xuôi hoặc văn vần, ngắn gọn, hàm súc. Nếu không được giảng dạy một cách hệ thống, người học dễ gặp phải lỗi khi sử dụng.

Việc nắm vững thành ngữ ngữ ngôn không chỉ giúp người học nâng cao khả năng diễn đạt, giảm thiểu sai sót trong giao tiếp mà còn giúp họ hiểu sâu hơn về văn hóa Trung Quốc và tạo hứng thú học tập. Hiện nay, phần lớn nghiên cứu về thành ngữ chủ yếu tập trung vào phân tích nghĩa và so sánh văn hóa, trong khi đó, việc nghiên cứu phương pháp giảng dạy thành ngữ, đặc biệt là thành ngữ ngữ ngôn, vẫn còn thiếu sót. Bài viết này nhằm phân tích đặc điểm của thành ngữ ngữ ngôn, từ đó đề xuất các phương pháp giảng dạy phù hợp, giúp giảm thiểu sai sót và cung cấp tài liệu tham khảo cho giảng viên, đồng thời định hướng học tập cho sinh viên, góp phần phát triển công tác giảng dạy từ vựng tiếng Trung Quốc.

2.2. Phương pháp nghiên cứu

Nghiên cứu này sử dụng phương pháp kết hợp phiếu điều tra và phỏng vấn. Nguồn tư liệu thành ngữ ngụ ngôn phục vụ cho khảo sát được trích từ bộ giáo trình Hán ngữ do Dương Ký Châu chủ biên và bộ giáo trình Đọc hiểu tiếng Hán do Từ Tiêu Ưng cùng các cộng sự biên soạn, với tổng số 32 thành ngữ ngụ ngôn. Tổng cộng, 189 phiếu điều tra đã được phát cho sinh viên năm thứ hai chuyên ngành tiếng Trung Quốc, thu về 182 bảng hợp lệ, đạt tỷ lệ 96%. Những người tham gia khảo sát đều đã học tiếng Trung Quốc trong hai năm và có khả năng tiếp cận với thành ngữ ngụ ngôn. Chúng tôi cũng tiến hành phỏng vấn 10 giảng viên và 60 sinh viên nhằm tìm hiểu thực trạng học tập thành ngữ ngụ ngôn của sinh viên, đồng thời khảo sát các phương pháp giảng dạy được áp dụng. Nội dung phiếu điều tra bao gồm: thông tin cơ bản về người học, thái độ và động cơ học tập thành ngữ ngụ ngôn, nhằm hiểu rõ hiện trạng học tập và làm cơ sở cho việc thiết kế bài giảng. Phương pháp phỏng vấn được sử dụng bổ trợ nhằm tìm hiểu sâu hơn về mức độ tiếp thu, chiến lược học tập và nguyện vọng của sinh viên; từ đó phân tích mối quan hệ giữa hứng thú học tập và phương pháp tiếp cận, góp phần thu thập dữ liệu một cách toàn diện hơn. Sau khi thu thập được các kết quả khảo sát, những dữ liệu có thể định lượng được nhập vào phần mềm SPSS để xử lý. Các dữ liệu thu được từ bảng khảo sát được xử lý bằng các phương pháp thống kê mô tả, trong đó sử dụng biểu đồ để thể hiện kết quả dưới dạng tỷ lệ phần trăm, qua đó tiến hành phân tích và rút ra các đặc điểm nổi bật. Dữ liệu từ các cuộc phỏng vấn được tổng hợp và phân tích theo quy trình: trước hết phân loại và sắp xếp bản ghi phỏng vấn theo từng nhóm đối tượng, sau đó tiến hành đối chiếu, so sánh và rút ra nhận định. Cuối cùng, toàn bộ dữ liệu định lượng và định tính được tổng hợp nhằm phục vụ cho việc phân tích tổng thể và rút ra kết luận nghiên cứu. Qua đó, chúng tôi có cái nhìn toàn diện hơn về hiệu quả và thách thức trong việc dạy và học thành ngữ ngụ ngôn, làm cơ sở cho việc điều chỉnh chương trình học sao cho phù hợp và thiết thực hơn.

3. Cơ sở lý thuyết về thành ngữ ngụ ngôn

3.1. Định nghĩa về thành ngữ ngụ ngôn

Trong hệ thống từ vựng tiếng Trung Quốc, thành ngữ ngụ ngôn được xem là một loại đơn vị ngôn ngữ đặc thù, có tính ổn định cao và mang hàm nghĩa văn hóa sâu sắc, khác biệt rõ rệt so với từ vựng thông thường. Chúng có cấu trúc cố định, khó thay đổi về hình thức mà không làm biến đổi hoặc mất đi ý nghĩa gốc. Các thành ngữ này có cấu trúc cố định, việc thay đổi bất kỳ thành phần nào đều có thể làm mất đi ý nghĩa gốc của chúng. Bên cạnh đó, thành ngữ ngụ ngôn mang ý nghĩa biểu tượng hoặc ẩn dụ, thường không thể hiểu theo nghĩa đen của từng từ. Hơn nữa, nhiều thành ngữ ngụ ngôn bắt nguồn từ các câu chuyện lịch sử, thần thoại hoặc truyền thuyết dân gian, phản ánh giá trị văn hóa và triết lý sâu sắc của người Trung Quốc.

Thành ngữ là sự thể hiện tính sáng tạo trong ngôn ngữ của người Trung Quốc, sử dụng những cụm từ ngắn gọn nhưng có thể diễn đạt ý nghĩa phức tạp. Theo từ điển Hán ngữ hiện đại do Lữ chủ biên, thành ngữ là “các cụm từ hoặc câu ngắn gọn, được sử dụng lâu dài trong dân gian, mang ý nghĩa súc tích và sâu sắc”. Ngụ ngôn là một thể loại văn học sử dụng các câu chuyện tưởng tượng hoặc thủ pháp nhân hóa để giải thích một đạo lý, thường mang tính châm biếm và khuyên răn. Thành ngữ ngụ ngôn bắt nguồn từ các câu chuyện ngụ ngôn, thông qua những tình tiết giả tưởng và cách thức hài hước để truyền đạt triết lý, đồng thời cô đọng nội dung của câu chuyện trong một câu ngắn gọn. Sun (2011) trong cuốn từ điển tục ngữ tiếng Trung Quốc cũng chỉ ra rằng thành ngữ ngụ ngôn là dùng ngôn ngữ cô đúc và câu chuyện sinh động để truyền tải những đạo lý sâu sắc, đồng thời chứa đựng màu sắc văn hóa phong phú. Xū (2021) cho rằng thành ngữ ngụ ngôn là thông qua hình thức câu chuyện sinh động để truyền đạt những đạo lý hoặc giá

trị nhất định, đồng thời có tác dụng giáo dục và khai sáng. Ví dụ như thành ngữ “Cáo mượn oai hùm” hay “ôm cây đợi thỏ”, chúng đã gói gọn bài học từ những câu chuyện ngụ ngôn và trở thành biểu tượng độc đáo trong ngôn ngữ. Những thành ngữ này có bề dày lịch sử, phản ánh quan niệm đạo đức và trí tuệ sống, đồng thời mang lại giá trị sâu sắc trong giáo dục, giúp sinh viên hiểu rõ hơn về văn hóa Trung Quốc cũng như rèn luyện phẩm chất đạo đức.

3.2. Đặc điểm của thành ngữ ngụ ngôn

Thành ngữ ngụ ngôn là một trong những thể loại đặc sắc của thành ngữ tiếng Trung Quốc, nổi bật với tính tự sự, sự ngắn gọn và tính triết lý. Chúng có giá trị đặc biệt trong giảng dạy ngôn ngữ và việc truyền bá văn hóa. Những thành ngữ này thường bắt nguồn từ các câu chuyện ngụ ngôn, vừa chứa đựng những đạo lý sâu sắc, lại vừa có sức hấp dẫn về mặt văn học, giúp người học không chỉ hiểu ngôn ngữ mà còn cảm nhận được chiều sâu tư tưởng của văn hóa Trung Quốc.

Thành ngữ ngụ ngôn có đặc điểm ngắn gọn trong cấu trúc. Phần lớn thành ngữ này có dạng bốn chữ, với ngôn ngữ cô đọng, đối xứng và chặt chẽ. Điều này không chỉ giúp chúng dễ nhớ và dễ truyền bá, mà còn giúp người học dễ đọc và dễ hiểu. Ví dụ, thành ngữ “画蛇添足” (vẽ rắn thêm chân) chỉ bằng bốn chữ đã truyền đạt được thông điệp “làm việc thừa thãi, thậm chí còn gây hại”. Các thành ngữ này thường sử dụng các biện pháp tu từ như ẩn dụ và nhân hóa, làm cho việc diễn đạt trở nên sinh động và dễ hiểu, thể hiện sự tinh tế và vẻ đẹp của ngôn ngữ Trung Quốc.

Những thành ngữ này mang tính tự sự mạnh mẽ, thường gắn liền với các tình tiết sinh động và các nhân vật rõ ràng. Ví dụ, thành ngữ “守株待兔” (ôm cây đợi thỏ) kể về một người nông dân tình cờ nhặt được con thỏ tự đâm vào cây chết, nên anh ta bỏ công việc đồng áng để ngồi đợi vận may đến, cuối cùng chẳng thu hoạch được gì. Mặc dù câu chuyện này có phần phi lý, nhưng nó lại chỉ ra mối nguy hại của việc ỷ lại vào may rủi mà không lao động. Tính tự sự mạnh mẽ này càng làm tăng sức hấp dẫn của thành ngữ và cung cấp tài liệu phong phú cho việc giảng dạy.

Thành ngữ ngụ ngôn có tính đa nghĩa, không chỉ có nghĩa đen mà còn chứa đựng những hàm ý sâu sắc hơn cần được hiểu trong ngữ cảnh. Ví dụ, thành ngữ “狐假虎威” (cáo mượn oai hùm) có nghĩa là con cáo mượn sức mạnh của hổ để dọa các loài vật khác, nhưng thực tế lại châm biếm những người lợi dụng quyền lực để áp bức kẻ yếu. Thành ngữ “叶公好龙” (Diệp Công hiếu long) chỉ trích những người không thật lòng, miệng nói yêu thích nhưng lại hành động trái ngược. Tính đa nghĩa của các thành ngữ này không chỉ mở rộng phạm vi diễn đạt mà còn giúp người học nâng cao khả năng hiểu và sử dụng ngôn ngữ.

Cuối cùng, thành ngữ ngụ ngôn chứa đựng triết lý sâu sắc, kết tinh trí tuệ và quan niệm đạo đức của người xưa. Ví dụ, thành ngữ “塞翁失马” (Tái Ông mất ngựa) mang ý nghĩa “họa phúc luôn song hành”, khuyên người ta khi đối diện với những thăng trầm trong cuộc sống nên giữ sự bình tĩnh và lý trí. Những thành ngữ này phản ánh quan niệm về nhân sinh và giá trị sống của văn hóa truyền thống Trung Quốc, là phương tiện quan trọng trong việc truyền bá văn hóa Trung Quốc.

Tóm lại, thành ngữ ngụ ngôn với đặc điểm ngôn ngữ tinh tế, câu chuyện sinh động, ý nghĩa đa dạng và triết lý sâu sắc đã trở thành một phần không thể thiếu trong giảng dạy tiếng Trung Quốc. Việc hiểu sâu các thành ngữ này không chỉ giúp người học nắm vững quy luật ngôn ngữ mà còn giúp họ tiếp cận sâu sắc hơn với logic nội tại và hệ thống trí tuệ của văn hóa Trung Quốc.

3.3. Tầm quan trọng của việc giảng dạy thành ngữ ngụ ngôn

Thành ngữ ngụ ngôn là một phần quan trọng trong ngôn ngữ tiếng Trung Quốc. Thành ngữ ngụ ngôn vừa có chức năng diễn đạt ngôn ngữ, vừa góp phần gìn giữ và truyền tải giá trị văn hóa, là nguồn tài liệu quý báu phục vụ cho việc giảng dạy tiếng Trung Quốc. Các thành ngữ này không chỉ kết tinh trí tuệ lịch sử và tư tưởng triết học của dân tộc Trung Hoa, mà còn giúp nâng cao khả năng ngôn ngữ và hiểu biết văn hóa của người học, có giá trị giáo dục cao.

Ngoài ra, những thành ngữ này thường ngắn gọn, sinh động, dễ nhớ và dễ áp dụng, giúp mở rộng vốn từ vựng và nâng cao khả năng sử dụng ngôn ngữ cho người học. Ví dụ, thành ngữ “未雨绸缪” (vì vũ trù mâu - phòng bệnh hơn chữa bệnh) không chỉ làm phong phú thêm cách diễn đạt mà còn nâng cao tính trang nhã của ngôn ngữ. Thành ngữ “南辕北辙” (Nam Viên Bắc Triệt - nói một đằng làm một nẻo) giúp học sinh nhận diện các chữ có hình dáng tương tự nhau, phát triển khả năng phân biệt chữ. Ngoài ra, tính chất kể chuyện của loại thành ngữ này còn có thể khơi dậy hứng thú học tập của người học, giúp các em nâng cao khả năng đọc hiểu và bồi dưỡng tri thức văn hóa một cách tự nhiên thông qua quá trình tiếp cận nội dung câu chuyện.

Thành ngữ ngụ ngôn có tác dụng tích cực trong việc rèn luyện tư duy cho người học. Những ý nghĩa hàm ẩn và triết lý sâu sắc trong các thành ngữ buộc người học phải suy ngẫm từ nhiều góc độ, qua đó phát triển năng lực phân tích và tư duy phản biện. Chẳng hạn, thành ngữ “盲人摸象” (thầy bói xem voi) gợi mở bài học về tầm quan trọng của việc quan sát toàn diện, tránh nhận định phiến diện, góp phần bồi dưỡng tư duy logic và khả năng phản biện. Bên cạnh đó, nhiều thành ngữ còn truyền tải các giá trị đạo đức như: trung thực, giữ chữ tín, cần cù và dũng cảm, tạo nên ảnh hưởng tích cực đến nhận thức đạo đức và sự hình thành nhân cách của người học, đồng thời mở rộng tầm nhìn về lịch sử – văn hóa và tăng cường khả năng hiểu biết liên văn hóa.

Việc giảng dạy thành ngữ ngụ ngôn còn góp phần nâng cao chất lượng giờ học. Thông qua bối cảnh cụ thể của các câu chuyện ngụ ngôn, giáo viên có thể giúp người học dễ dàng hình dung và tiếp cận các khái niệm trừu tượng trong thành ngữ. Ví dụ, khi giảng về thành ngữ “井底之蛙” (ếch ngồi đáy giếng), giáo viên có thể sử dụng phương pháp kể chuyện hoặc đóng vai để học sinh trực tiếp cảm nhận được hàm ý tầm nhìn hạn hẹp, từ đó tăng cường tính sinh động và tương tác trong lớp học. Đồng thời, việc nghiên cứu bối cảnh văn hóa và phương pháp giảng dạy thành ngữ cũng góp phần nâng cao năng lực chuyên môn của giáo viên, đảm bảo hiệu quả giảng dạy, thúc đẩy chất lượng đào tạo tiếng Trung Quốc.

Tóm lại, thành ngữ ngụ ngôn với giá trị văn hóa đặc sắc, chức năng ngôn ngữ phong phú và ý nghĩa giáo dục sâu rộng, giữ vai trò không thể thay thế trong giảng dạy tiếng Trung Quốc. Đây là một điểm khởi đầu quan trọng cho việc tích hợp giảng dạy ngôn ngữ và văn hóa một cách hài hòa và hiệu quả.

4. Kết quả khảo sát và những vấn đề tồn tại trong giảng dạy thành ngữ ngụ ngôn

4.1. Kết quả khảo sát về tình hình học tập thành ngữ ngụ ngôn

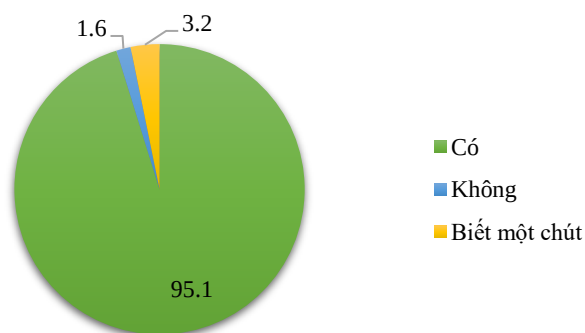
Dựa trên các kết quả khảo sát dưới đây, chúng ta có thể thấy bức tranh tổng quan về mức độ tiếp cận, hiểu biết cũng như các khó khăn mà sinh viên gặp phải trong quá trình học tập thành ngữ ngụ ngôn tiếng Trung Quốc.

Trước hết, dựa vào Biểu đồ 1, chúng ta có thể thấy được mức độ tiếp cận thành ngữ ngụ ngôn tiếng Trung Quốc của sinh viên, số liệu cho thấy đa số sinh viên đều biết đến thành ngữ ngụ ngôn. Cụ thể, 95,1% sinh viên cho biết đã biết đến thành ngữ ngụ ngôn tiếng Trung Quốc,

trong đó 3,2% chỉ biết một chút và chỉ 1,6% hoàn toàn không biết đến loại hình ngôn ngữ đặc trưng này. Điều này phản ánh mức độ phổ biến của thành ngữ ngữ ngôn trong giảng dạy tiếng Trung Quốc hiện nay cũng như trong đời sống tiếp xúc văn hóa của sinh viên.

Biểu đồ 1

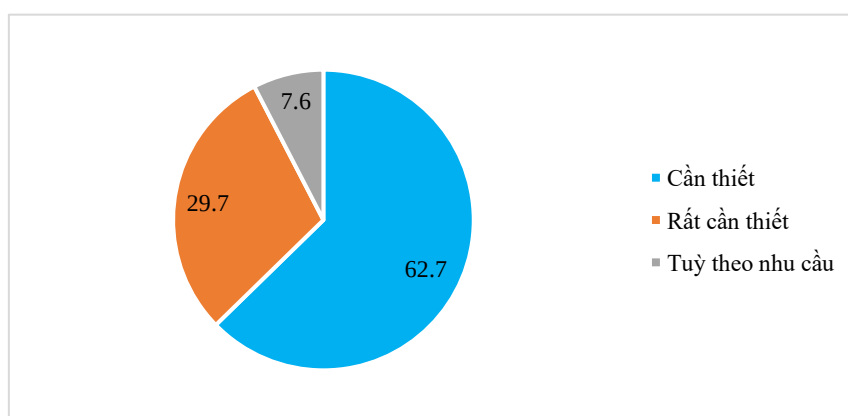
Anh/chị có biết đến thành ngữ ngữ ngôn tiếng Trung Quốc không?



Về nhận thức được tầm quan trọng của việc học thành ngữ ngữ ngôn tiếng Trung Quốc, kết quả khảo sát cho thấy 62,7% sinh viên cho rằng việc học thành ngữ ngữ ngôn tiếng Trung Quốc là cần thiết, trong đó 29,7% đánh giá việc học này là rất cần thiết. Tỷ lệ cao này phản ánh nhu cầu thực tiễn và nhận thức sâu sắc về giá trị ngôn ngữ và văn hóa của thành ngữ ngữ ngôn. Tuy nhiên, 7,6% sinh viên cho rằng việc học có thể linh hoạt tùy theo nhu cầu, cho thấy một bộ phận sinh viên vẫn đặt trọng tâm vào các kỹ năng ngôn ngữ khác hoặc còn e ngại về tính ứng dụng.

Biểu đồ 2

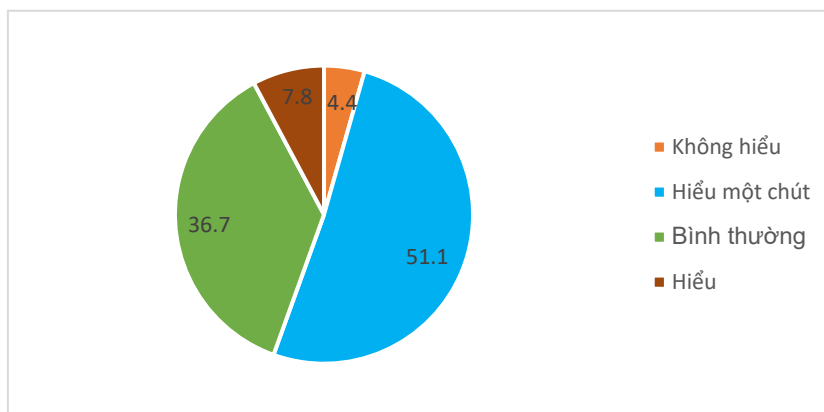
Theo anh/chị việc học thành ngữ ngữ ngôn tiếng Trung Quốc có quan trọng không?



Tuy nhiên, khi xem xét mức độ hiểu ý nghĩa các thành ngữ ngữ ngôn tiếng Trung Quốc của sinh viên, kết quả cho thấy có sự phân hóa rõ rệt. Cụ thể, tỷ lệ sinh viên không hiểu là 4,4%, hiểu một chút chiếm tỷ lệ cao nhất 51,1%, bình thường là 36,7% và hiểu chỉ đạt 7,8%; không có sinh viên nào đạt mức độ rất hiểu (0%). Điều này cho thấy mặc dù đa số sinh viên đã tiếp xúc với thành ngữ ngữ ngôn tiếng Trung Quốc nhưng mức độ lĩnh hội còn hạn chế, chủ yếu dừng lại ở mức sơ khai hoặc trung bình, chưa thực sự đạt đến trình độ thông thạo và vận dụng linh hoạt.

Biểu đồ 3

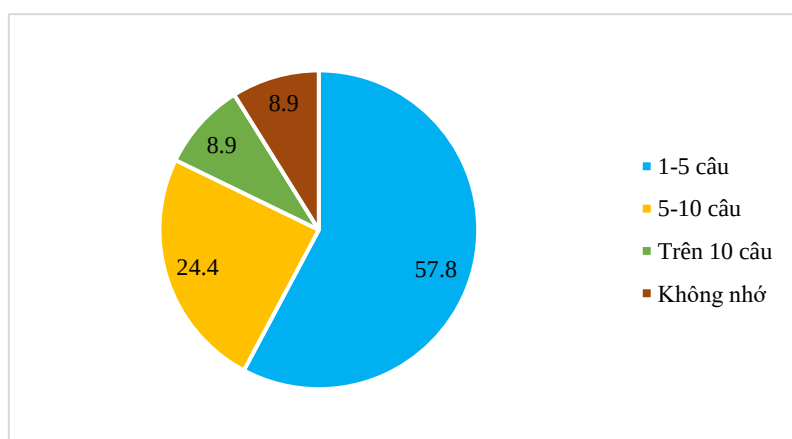
Mức độ hiểu biết của anh/chị về các thành ngữ ngụ ngôn tiếng Trung Quốc



Xét về khả năng ghi nhớ số lượng thành ngữ ngụ ngôn, dữ liệu cho thấy phần lớn sinh viên chỉ có thể ghi nhớ được từ 1 đến 5 câu, chiếm 57,8%; tiếp đó là 5 đến 10 câu chiếm 24,4%, và chỉ có 8,9% sinh viên có khả năng nhớ trên 10 câu. Tỷ lệ không nhớ bất kỳ câu thành ngữ nào cũng chiếm 8,9%. Điều này phản ánh thách thức đáng kể trong việc ghi nhớ và tích lũy vốn thành ngữ ngụ ngôn, vốn đòi hỏi người học không chỉ hiểu ý nghĩa mà còn cần nắm chắc hình thức biểu đạt, ngữ cảnh sử dụng.

Biểu đồ 4

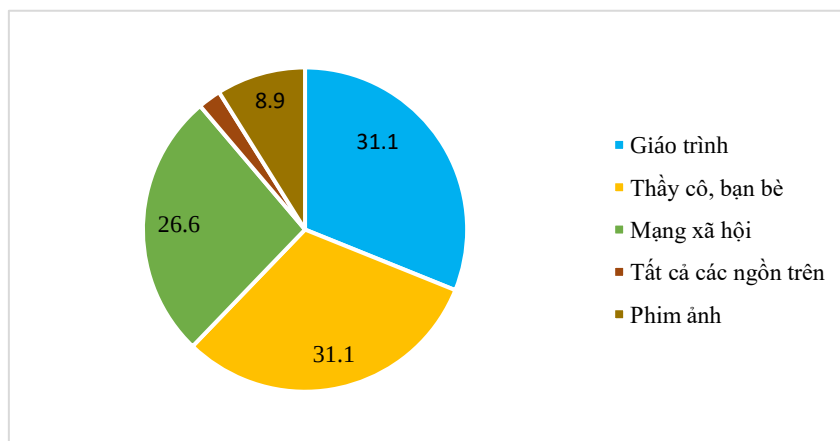
Số lượng câu thành ngữ ngụ ngôn tiếng Trung Quốc mà anh/chị có thể ghi nhớ



Về nguồn tiếp cận thành ngữ ngụ ngôn tiếng Trung Quốc của sinh viên, số liệu cho thấy giáo trình (31,1%) và thầy cô, bạn bè (31,1%) là hai nguồn chính. Các nền tảng xã hội như tiktok, youtube cũng đóng vai trò quan trọng với tỷ lệ 26,6%. Trong khi đó, phim ảnh chiếm tỷ lệ thấp hơn (8,9%), và chỉ 2,3% sinh viên cho biết tiếp cận thành ngữ ngụ ngôn từ tất cả các nguồn trên. Dữ liệu này cho thấy nguồn học chính thức (giáo trình, thầy cô) vẫn giữ vai trò chủ đạo, đồng thời, các kênh phi chính thức như mạng xã hội cũng đang ngày càng phổ biến, góp phần làm đa dạng hóa kênh tiếp nhận.

Biểu đồ 5

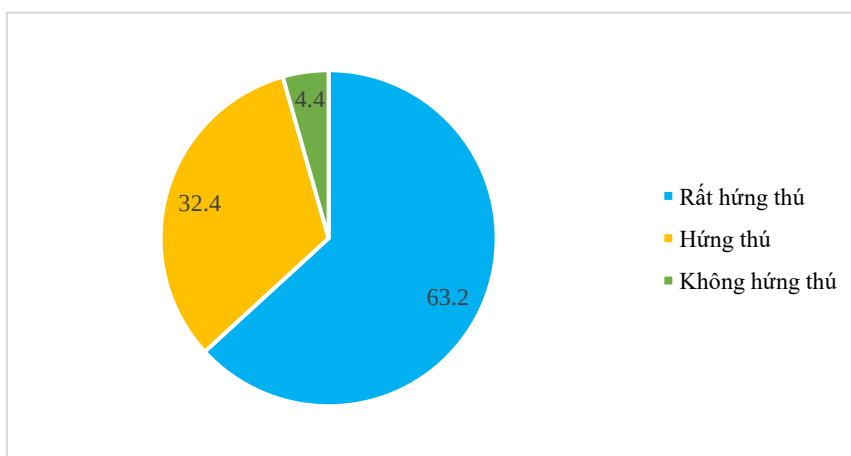
Nguồn tiếp cận thành ngữ ngữ ngôn tiếng Trung Quốc của anh/chị



Mức độ hứng thú của sinh viên đối với thành ngữ ngữ ngôn tiếng Trung Quốc được đánh giá rất cao với 63,2% sinh viên tỏ ra rất hứng thú, 32,4% có hứng thú, chỉ 4,4% không có hứng thú với thành ngữ ngữ ngôn, cho thấy thái độ học tập khá tích cực.

Biểu đồ 6

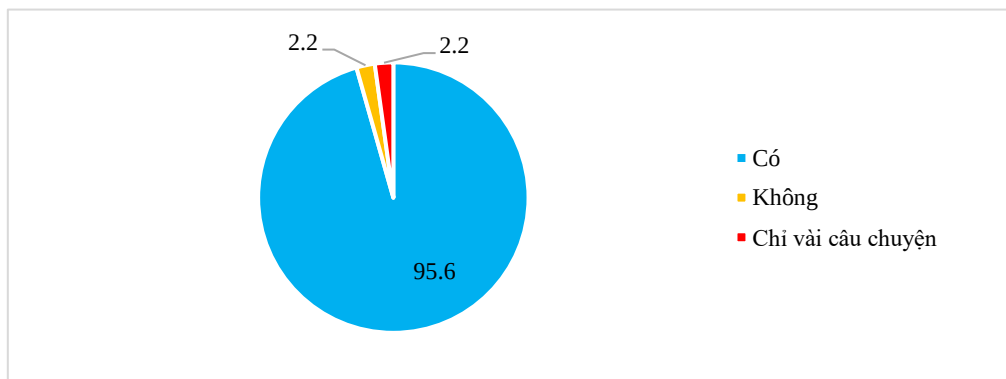
Anh/chị có hứng thú với thành ngữ ngữ ngôn tiếng Trung Quốc không?



Bên cạnh đó, 95,6% sinh viên cho biết có mong muốn tìm hiểu các câu chuyện đằng sau thành ngữ, phản ánh nhu cầu tìm hiểu chiều sâu văn hóa, lịch sử và giá trị ngữ nghĩa của thành ngữ, trong khi chỉ 2,2% không muốn tìm hiểu hoặc chỉ muốn tìm hiểu một số câu chuyện chiếm 2,2%.

Biểu đồ 7

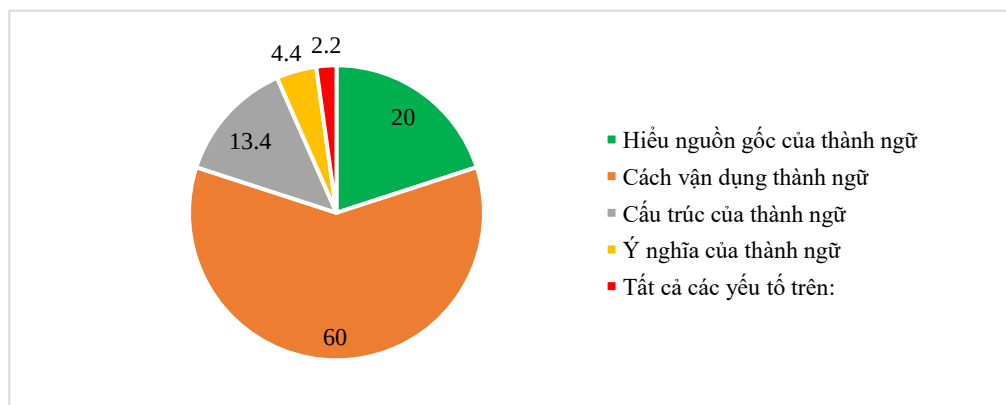
Anh/chị có mong muốn tìm hiểu các câu chuyện đằng sau thành ngữ ngụ ngôn tiếng Trung Quốc không?



Về những khó khăn mà sinh viên gặp phải khi học thành ngữ ngụ ngôn tiếng Trung Quốc, 60% sinh viên cho rằng việc vận dụng thành ngữ là thách thức lớn nhất. Tiếp đó là khó khăn trong việc hiểu nguồn gốc của thành ngữ chiếm 20%, cấu trúc của thành ngữ chiếm 13,4% và ý nghĩa của thành ngữ chiếm 4,4%. Đặc biệt, 2,2% sinh viên cho rằng tất cả các yếu tố trên đều khó khăn. Những số liệu này chỉ ra rằng mặc dù sinh viên có hứng thú và mong muốn tìm hiểu thành ngữ ngụ ngôn, nhưng khả năng vận dụng thành ngữ một cách phù hợp và chính xác vẫn là thách thức chủ yếu.

Biểu đồ 8

Theo anh/chị, khó khăn lớn nhất khi học thành ngữ ngụ ngôn tiếng Trung Quốc là gì?



Từ các kết quả trên, có thể nhận thấy rằng sinh viên đã có mức độ tiếp cận và hứng thú tương đối cao đối với thành ngữ ngụ ngôn tiếng Trung Quốc, song vẫn tồn tại nhiều hạn chế trong việc hiểu và vận dụng thành ngữ, đặc biệt là trong ngữ cảnh giao tiếp thực tế. Để cải thiện tình hình học tập này, các chương trình giảng dạy cần tăng cường cung cấp kiến thức về nguồn gốc, cấu trúc, ngữ nghĩa và cách sử dụng thành ngữ, kết hợp phương pháp dạy học sáng tạo, đa dạng hóa nguồn tài liệu và gắn kết các thành ngữ với các tình huống giao tiếp cụ thể. Đồng thời, việc khai thác các kênh phi chính thức như mạng xã hội, phim ảnh cũng cần được chú trọng để giúp sinh viên tiếp cận thành ngữ ngụ ngôn một cách tự nhiên, linh hoạt và hiệu quả hơn.

4.2. Những vấn đề tồn tại trong giảng dạy thành ngữ ngụ ngôn

4.2.1. Thiếu tính hấp dẫn trong giảng dạy

Khảo sát cho thấy việc giảng dạy thành ngữ ngụ ngôn hiện nay còn đơn điệu, thiếu tính sinh động. Giáo viên thường sử dụng phương pháp truyền thống, chỉ đơn giản giải thích nghĩa thành ngữ hoặc dịch sang tiếng mẹ đẻ của người học, mà bỏ qua việc phân tích nội dung câu chuyện ngụ ngôn. Điều này khiến tiết học trở nên khô khan, khó khơi gợi hứng thú học tập. Nhiều học sinh chỉ học thuộc lòng mà không hiểu sâu ý nghĩa, khó cảm nhận được triết lý ẩn sau các thành ngữ. Ví dụ, câu chuyện “守株待兔” (ôm cây đợi thỏ) hàm chứa bài học về thói quen trông chờ may mắn một cách thụ động, song giáo viên thường chỉ dịch đơn giản sang tiếng Việt, mà không có phương pháp sinh động giúp học sinh tư duy sâu hơn, dẫn đến việc học sinh chỉ ghi nhớ mặt chữ mà không hiểu rõ nội hàm. Ngoài ra, việc giảng dạy vẫn chú trọng ghi nhớ, xem nhẹ phần hiểu nghĩa. Thành ngữ ngụ ngôn thường có nguồn gốc từ văn học cổ đại, ít gắn với đời sống hiện đại nên học sinh khó hiểu. Giáo viên lại thiếu kỹ năng định hướng, dẫn dắt khiến học sinh không khám phá được triết lý ẩn sau các thành ngữ, việc học trở nên máy móc, cản trở sự phát triển tư duy. Mặt khác, do thiếu luyện tập trong ngữ cảnh cụ thể, học sinh khó áp dụng thành ngữ vào giao tiếp hằng ngày, làm giảm tính sinh động và hiệu quả giao tiếp trong ngôn ngữ.

4.2.2. Thiếu ý thức và cơ hội thực hành

Khảo sát cho thấy người học thường gặp khó khăn khi sử dụng thành ngữ ngụ ngôn trong ngữ cảnh thực tế, nguyên nhân chủ yếu do thiếu năng lực cảm nhận ngữ cảnh và ít có cơ hội thực hành. Thành ngữ ngụ ngôn gắn chặt với ngữ cảnh, nhưng phần lớn người học chỉ chú ý đến nghĩa bề mặt, bỏ qua yếu tố ngữ cảnh, dẫn đến việc sử dụng sai. Ví dụ, với thành ngữ “螳臂当车” (đường tỳ đương xa - lầy trứng chọi đá), người học không hiểu được ý nghĩa châm biếm hành động của những kẻ yếu thế mà vẫn ngông cuồng chống lại thế lực mạnh, cũng như nguồn gốc của thành ngữ. Có tới 80% sinh viên thừa nhận rằng ngoài lớp học, họ rất ít khi sử dụng thành ngữ, mà thường chọn các từ ngữ đơn giản hơn. Thành ngữ cần được tích lũy và luyện tập lâu dài, song sinh viên lại ít có cơ hội tiếp xúc, phần lớn chỉ tiếp cận qua lớp học và giáo trình, dẫn đến vốn thành ngữ hạn chế. Việc thiếu môi trường thực hành khiến sinh viên khó tích hợp thành ngữ vào hệ thống ngôn ngữ của bản thân, từ đó ảnh hưởng đến khả năng giao tiếp. Vì vậy, việc tăng cường luyện tập theo ngữ cảnh và mở rộng cơ hội thực hành là giải pháp then chốt để khắc phục tình trạng này.

4.2.3. Khó khăn trong việc hiểu nghĩa

Thành ngữ ngụ ngôn thường sử dụng phép ẩn dụ để truyền tải triết lý, vừa có nghĩa đen vừa có nghĩa bóng, đòi hỏi phải hiểu rõ điển cố mới có thể lĩnh hội chính xác. Tuy nhiên, do không quen thuộc với bối cảnh văn hóa và nội dung gốc, người học thường chỉ hiểu bề ngoài, dễ dẫn đến hiểu sai. Khảo sát cho thấy 43% học sinh cho rằng “掩耳盗铃” (bịt tai trộm chuông) chỉ hành động che tai để trộm chuông, mà không hiểu ý nghĩa phê phán hành vi tự lừa dối mình. Tương tự, “叶公好龙” (Diệp Công hiếu long) thường bị hiểu nhầm là yêu thích hình tượng rồng, thay vì nghĩa châm biếm sự giả tạo trong sở thích. Nhiều học sinh còn suy đoán nghĩa thành ngữ dựa trên một từ cụ thể, dẫn đến hiểu sai toàn bộ. Ví dụ, thành ngữ “杯弓蛇影” (bôi cung xà ảnh – thần hồn nát thần tính) bị hiểu nhầm là trong chén có hình con rắn, thay vì ý nghĩa thật là tự mình nghi ngờ, hoang tưởng đến mức lo sợ. Nguyên nhân của sự hiểu sai nằm ở tính chất truyện kể và tính đa nghĩa của thành ngữ, người học chưa nắm được nghĩa hàm ẩn. Điều này dễ dẫn đến lỗi sai trong kiểm tra và giao tiếp. Do đó, giáo viên cần chú trọng giảng

giải rõ bối cảnh và nguồn gốc thành ngữ để giúp người học vượt qua rào cản mặt chữ.

4.2.4. Thiếu kiến thức văn hóa nền

Thành ngữ ngụ ngôn thường chứa đựng những tư tưởng triết học, lối tư duy và giá trị văn hóa truyền thống Trung Quốc. Nếu thiếu nền tảng kiến thức văn hóa này, học sinh sẽ gặp khó khăn trong việc hiểu sâu sắc thành ngữ. Khảo sát cho thấy 48% học sinh không nắm được triết lý “họa phúc khôn lường” của thành ngữ “塞翁失马” (Tái Ông thất mã), do không hiểu tư tưởng của Đạo gia và bối cảnh văn hóa của từ “塞翁” (người già sống nơi biên ải). Sự khác biệt về nền tảng văn hóa gây trở ngại cho người học trong việc lĩnh hội ý nghĩa sâu xa của thành ngữ. Chẳng hạn, để hiểu được nghĩa thành ngữ “朝三暮四” (triều tam mộ tứ - thay đổi thất thường), người học cần biết đến câu chuyện về bầy khỉ trong sách Trang Tử, nếu không dễ nhầm lẫn rằng thành ngữ chỉ sự thay đổi theo thời gian. Do đó, việc bổ sung kiến thức văn hóa nền, như giới thiệu nguồn gốc thành ngữ và các điển tích lịch sử, là điều cần thiết để nâng cao khả năng hiểu đúng và sử dụng hiệu quả thành ngữ.

5. Một số khuyến nghị trong giảng dạy

Trong giảng dạy tiếng Trung Quốc, việc dạy thành ngữ ngụ ngôn cần được thực hiện một cách khoa học và có hệ thống. Nội dung giảng dạy nên được phân tầng hợp lý, đồng thời áp dụng linh hoạt các phương pháp dạy học đa dạng. Quá trình giảng dạy cần bắt đầu từ việc giúp người học nắm rõ ý nghĩa tổng thể của thành ngữ, từ đó phát triển khả năng vận dụng vào thực tế. Đồng thời, giáo viên cũng cần chú trọng lồng ghép và truyền tải chiều sâu văn hóa Trung Quốc thông qua từng câu thành ngữ. Để nâng cao hiệu quả giảng dạy, giáo viên có thể linh hoạt kết hợp các phương pháp như: kể chuyện, xây dựng tình huống và tổ chức trò chơi nhằm làm cho kiến thức thành ngữ vốn trừu tượng trở nên cụ thể, sinh động và dễ hiểu hơn. Việc lồng ghép các câu chuyện ngụ ngôn không chỉ tạo hứng thú học tập mà còn khơi dậy tinh thần khám phá ở người học. Những tình huống gắn liền với đời sống hằng ngày giúp người học hiểu rõ hơn về chiều sâu văn hóa và ý nghĩa ẩn sau từng thành ngữ. Bên cạnh đó, các trò chơi vui nhộn không chỉ góp phần củng cố kiến thức mà còn tạo ra môi trường học tập thoải mái, qua đó nâng cao khả năng vận dụng ngôn ngữ trong thực tế. Bài viết này sẽ giới thiệu vài phương pháp giúp giáo viên giảng dạy hiệu quả thành ngữ ngụ ngôn, đồng thời đề xuất những chiến lược giảng dạy có tính ứng dụng cao trong thực tiễn.

5.1. Phương pháp kể chuyện

Trong lĩnh vực giảng dạy tiếng Trung Quốc, giảng dạy hiệu quả các thành ngữ ngụ ngôn là một chủ đề vừa mang tính thách thức, vừa ẩn chứa nhiều tiềm năng. Các thành ngữ dạng này thường bắt nguồn từ những câu chuyện ngụ ngôn cổ giàu tính truyền kỳ, mang trong mình ý nghĩa sâu sắc và triết lý nhân sinh thâm thúy. Chỉ với vài từ ngắn gọn, chúng có thể khái quát những hiện tượng phức tạp trong đời sống và xã hội. Chính vì vậy, việc ứng dụng “phương pháp kể chuyện” vào giảng dạy thành ngữ ngụ ngôn được xem là một hướng tiếp cận hiệu quả, không chỉ góp phần nâng cao chất lượng giảng dạy mà còn khơi dậy hứng thú học tập nơi người học. Trước hết, thành ngữ loại ngụ ngôn vốn xuất phát từ những câu chuyện, điều này tạo cơ sở tự nhiên cho việc vận dụng phương pháp kể chuyện. Phương pháp kể chuyện là cách truyền đạt tri thức thông qua việc kể các câu chuyện. Đối với thành ngữ ngụ ngôn, kể chuyện không chỉ là một phương pháp giảng dạy mà còn là hình thức tồn tại tự thân của chính thành ngữ đó. Qua quá trình kể chuyện, người học không chỉ hiểu nghĩa đen của thành ngữ mà còn có thể tiếp cận sâu hơn với bối cảnh văn hóa, nguồn gốc lịch sử và tầng nghĩa triết lý mà thành ngữ chứa

đựng. Ví dụ, khi giảng dạy thành ngữ “狐假虎威” (cáo mượn oai hùm), người học có thể thấu hiểu ý nghĩa “dựa vào thế lực của người khác để dọa nạt”, từ đó biết vận dụng vào tình huống giao tiếp thực tế.

Về mặt thực hành, phương pháp kể chuyện có thể triển khai qua năm bước: lựa chọn thành ngữ, kể chuyện, giảng giải thành ngữ, tổ chức thảo luận và tổng kết củng cố kiến thức. Bước đầu tiên là lựa chọn các thành ngữ phù hợp. Việc lựa chọn này cần căn cứ vào trình độ ngôn ngữ, bối cảnh văn hóa và sở thích của người học, ưu tiên các thành ngữ vừa có giá trị giáo dục vừa khơi gợi tư duy. Giáo viên cần chuẩn bị kỹ lưỡng về xuất xứ, bối cảnh lịch sử của thành ngữ, đồng thời chuẩn bị tài liệu hỗ trợ như: tranh ảnh, video, âm thanh,... để nâng cao khả năng tiếp nhận và cảm thụ của người học.

Tiếp theo, giáo viên dùng ngôn ngữ sinh động và hấp dẫn để kể lại câu chuyện ngụ ngôn, chú trọng điều chỉnh ngữ điệu và nhịp kể nhằm tăng tính cuốn hút. Trong quá trình kể, giáo viên nên xen kẽ các câu hỏi nhằm dẫn dắt người học liên tưởng và suy nghĩ, nâng cao khả năng tập trung. Chẳng hạn, khi kể chuyện “画蛇添足” (vẽ rắn thêm chân), có thể tạm dừng để hỏi: “Bạn nghĩ thêm chân cho con rắn có hợp lý không?” – cách kể chuyện tương tác này sẽ kích thích hứng thú tham gia của người học và đặt nền móng tốt cho các hoạt động giảng dạy tiếp theo.

Sau khi kể chuyện xong, bước tiếp theo là giảng giải ý nghĩa của thành ngữ. Giáo viên cần sử dụng ngôn ngữ ngắn gọn, rõ ràng để trình bày nghĩa ẩn dụ, hàm ý thực tiễn và cách dùng thành ngữ trong ngữ cảnh, kết hợp các ví dụ cụ thể trong đời sống để giúp người học nắm bắt. Ví dụ, với thành ngữ “井底之蛙” (ếch ngồi đáy giếng), giáo viên có thể liên hệ đến tình trạng thông tin hạn chế trong xã hội hiện đại để dẫn dắt người học suy nghĩ về việc mở rộng tầm nhìn và nâng cao tư duy phản biện.

Khi người học đã có sự hiểu biết ban đầu về câu chuyện và thành ngữ, tổ chức thảo luận nhóm sẽ là khâu then chốt để làm sâu sắc thêm hiểu biết. Giáo viên có thể đặt ra các câu hỏi mở như: “Bạn đã từng rơi vào tình huống hiểu nhầm giống như ‘盲人摸象 (thầy bói xem voi)’ chưa?” hoặc “Câu chuyện này khiến bạn liên tưởng đến điều gì?” – nhằm khuyến khích người học trình bày quan điểm, lắng nghe người khác và mở rộng cách hiểu về thành ngữ thông qua trao đổi. Việc tranh luận và tương tác như vậy không chỉ giúp nâng cao năng lực diễn đạt mà còn làm sâu sắc thêm nhận thức văn hóa về thành ngữ.

Cuối cùng, phần tổng kết và mở rộng là không thể thiếu. Giáo viên cần dẫn dắt người học ôn lại nội dung đã học, đồng thời liên hệ ý nghĩa thành ngữ với thực tiễn cuộc sống, khuyến khích người học suy nghĩ về cách vận dụng linh hoạt thành ngữ trong giao tiếp hàng ngày. Chẳng hạn, sau khi học thành ngữ “自相矛盾” (tiền hậu bất nhất), giáo viên có thể hỏi: “Trong cuộc sống thường nhật, chúng ta nên làm gì để tránh việc lời nói trước sau bất nhất?” Ngoài ra, nên khuyến khích học sinh tiếp tục đọc thêm các truyện ngụ ngôn có liên quan sau giờ học để mở rộng tri thức và hình thành thói quen học tập tích cực.

Lấy thành ngữ “盲人摸象” (thầy bói xem voi) làm ví dụ, quá trình giảng dạy theo phương pháp kể chuyện có thể triển khai cụ thể như sau: Giáo viên chuẩn bị một số đạo cụ đơn giản như: bàn, dây, quạt, bìa cứng,... tượng trưng cho các bộ phận của con voi như: chân, đuôi, tai, da,... Trong lúc kể chuyện, giáo viên lần lượt đưa vào các đạo cụ này để học sinh vừa quan sát vừa hiểu được cảm nhận của bốn người mù khi chạm vào các phần khác nhau của con voi, từ đó hình tượng hóa sự phiến diện trong nhận thức. Sau khi kể xong, giáo viên giảng giải ý nghĩa sâu xa của thành ngữ, đồng thời liên hệ với các hiện tượng xã hội hiện đại như truyền thông đưa tin phiến diện, dư luận mạng bị dẫn dắt,... giúp người học thấy được giá trị hiện thực

của thành ngữ. Tiếp theo, tổ chức học sinh thảo luận nhóm, chia sẻ hiểu biết của bản thân và nêu ví dụ cụ thể về những sai lầm do nhận thức phiến diện mà bản thân từng trải qua. Cuối cùng, thông qua tổng kết, giúp kiến thức thấm thấu thành nhận thức nội tại, từ đó tăng cường trí nhớ và năng lực ứng dụng.

Thông qua quy trình trên, ưu thế của phương pháp kể chuyện trong giảng dạy thành ngữ ngụ ngôn được thể hiện rõ rệt. Phương pháp này không chỉ nâng cao tính hấp dẫn của giờ học, giúp người học tiếp thu trong không khí vui vẻ, mà còn nhờ vào tính hình tượng, tính cụ thể và yếu tố cảm xúc của câu chuyện, khiến tri thức ngôn ngữ vốn trừu tượng trở nên sinh động, dễ hiểu. Đồng thời, phương pháp này còn góp phần phát huy khả năng liên tưởng, tưởng tượng và hiểu biết văn hóa của người học. Nhân vật và tình tiết trong câu chuyện dễ đi vào trí nhớ, từ đó giúp người học sử dụng thành ngữ một cách chính xác, phù hợp trong giao tiếp thực tế.

Hơn nữa, phương pháp kể chuyện còn phù hợp với quan điểm “lồng ghép văn hóa vào dạy ngôn ngữ” trong giảng dạy tiếng Trung Quốc. Thành ngữ ngụ ngôn không chỉ là một bộ phận của ngôn ngữ, mà còn là tinh hoa của văn hóa Trung Quốc. Thông qua việc kể chuyện, giáo viên không chỉ truyền đạt kiến thức ngôn ngữ, mà còn đóng vai trò là người truyền bá văn hóa, giúp người học hiểu sâu hơn các giá trị và trí tuệ truyền thống của Trung Quốc. Ví dụ, “守株待兔” (ôm cây đợi thỏ) phê phán lối tư duy cơ hội, “刻舟求剑” (Khắc chu cầu kiếm) thể hiện sự phi thực tế, còn “愚公移山” (Ngu công dời núi) lại truyền cảm hứng về tinh thần kiên cường và không ngại gian khó.

Tóm lại, việc ứng dụng có hệ thống phương pháp kể chuyện vào giảng dạy thành ngữ ngụ ngôn không chỉ giúp người học hiểu và nắm vững kiến thức, mà còn nâng cao năng lực diễn đạt, tư duy logic và trình độ văn hóa. Đối với giáo viên, phương pháp này cũng mang đến sức sống và tính sáng tạo cho lớp học. Trong tương lai, cùng với sự phát triển của giáo trình và công nghệ đa phương tiện, phương pháp kể chuyện hứa hẹn sẽ được ứng dụng ngày càng rộng rãi và sâu sắc trong dạy học tiếng Trung Quốc.

5.2. Xây dựng ngữ cảnh

Trong quá trình giảng dạy, nếu giáo viên chỉ đơn thuần dựa vào phương pháp giảng giải và học thuộc lòng thì khó có thể khơi dậy hứng thú học tập cũng như thúc đẩy sự hiểu và khả năng vận dụng thực tế của người học. Vì vậy, giáo viên có thể xây dựng các tình huống cụ thể nhằm hỗ trợ học sinh hiểu và sử dụng thành ngữ một cách chính xác. Việc xây dựng các tình huống thực tế sẽ giúp học sinh liên hệ được thành ngữ trừu tượng với các bối cảnh thực tiễn, từ đó nâng cao khả năng vận dụng và ghi nhớ.

Xuất phát từ những đặc điểm trên, việc áp dụng phương pháp xây dựng ngữ cảnh là một chiến lược giảng dạy hiệu quả. Phương pháp này tập trung vào việc tạo dựng những tình huống học tập cụ thể, sinh động, qua đó giúp người học được trải nghiệm, thực hành ngôn ngữ trong ngữ cảnh gần với thực tế, từ đó nâng cao khả năng hiểu, ghi nhớ và vận dụng kiến thức. Thông qua các hoạt động mô phỏng tình huống, người học không chỉ học tập trong niềm vui mà còn hiểu sâu hơn về ý nghĩa của thành ngữ cũng như bối cảnh văn hóa liên quan.

Bước đầu tiên trong việc thực hiện phương pháp xây dựng tình huống là lựa chọn thành ngữ ngụ ngôn phù hợp và thiết kế các tình huống ngữ cảnh tương ứng. Giáo viên cần căn cứ vào mục tiêu giảng dạy và trình độ ngôn ngữ của học sinh để chọn ra những thành ngữ có hàm ý rõ ràng, tình tiết nổi bật và dễ dàng tái hiện thành tình huống học tập. Ví dụ như các thành ngữ: “守株待兔” (ôm cây đợi thỏ), “刻舟求剑” (khắc chu cầu kiếm), “狐假虎威” (cáo mượn oai hùm)... đều có cốt truyện đầy đủ, khi thiết kế tình huống, giáo viên nên bao gồm phần phân vai, nội dung đối thoại, mô tả bối cảnh... để học sinh có thể tự nhiên nhập vai trong một tình huống cụ thể.

Bước tiếp theo là để người học vận dụng linh hoạt các thành ngữ đã học vào những ngữ cảnh cụ thể do giáo viên thiết kế. Trong hoạt động này, giáo viên cần xây dựng các tình huống mang tính thực tiễn hoặc gần gũi với đời sống nhằm tạo điều kiện cho người học lựa chọn và sử dụng thành ngữ một cách phù hợp với bối cảnh. Ví dụ, đối với các thành ngữ như: “狐假虎威” (cáo mượn oai hùm), “守株待兔” (ôm cây đợi thỏ), hay “刻舟求剑” (khắc chu cầu kiếm), giáo viên có thể đưa ra các tình huống giả định như: một nhân vật lợi dụng quyền lực của người khác để hù dọa người xung quanh; một người không chịu cố gắng, chỉ chờ may mắn; hoặc một người hành xử máy móc, không linh hoạt trong suy nghĩ. Người học sẽ dựa vào tình huống được cung cấp để lựa chọn thành ngữ phù hợp. Hoặc với thành ngữ “狐假虎威”, giáo viên có thể thiết kế một tình huống giả định trong một cuộc thảo luận nhóm, nơi một thành viên dựa vào người có quyền lực để đạt được mục đích cá nhân. Trong bối cảnh này, giáo viên hướng dẫn học sinh sử dụng “狐假虎威” để miêu tả hành vi lợi dụng thế lực của người khác. Việc sử dụng thành ngữ trong tình huống thực tế giúp học sinh không chỉ hiểu nghĩa đen của thành ngữ mà còn nắm vững hoàn cảnh sử dụng và sắc thái biểu cảm của nó, qua đó nâng cao độ chính xác và lưu loát trong biểu đạt ngôn ngữ. Quá trình này không chỉ rèn luyện năng lực ngôn ngữ và tư duy logic, mà còn giúp người học hiểu sâu sắc hơn ý nghĩa của thành ngữ và bối cảnh văn hóa đi kèm. Nhờ đó, những khái niệm trừu tượng được thể hiện qua các thành ngữ sẽ trở nên cụ thể, dễ hiểu và dễ ghi nhớ hơn. Hơn nữa, hình thức tương tác trong hoạt động này còn tạo cơ hội để người học thảo luận, so sánh các cách dùng khác nhau, từ đó nâng cao khả năng phân tích và ứng dụng linh hoạt kiến thức trong thực tiễn giao tiếp. Đây là bước chuyển quan trọng từ “hiểu” sang “vận dụng” trong tiến trình tiếp nhận ngôn ngữ, đồng thời cũng là tiền đề để hình thành năng lực giao tiếp văn hóa – một mục tiêu quan trọng trong giáo dục tiếng Trung Quốc.

Phương pháp dạy học này lấy người học làm trung tâm, chú trọng vào tham gia và trải nghiệm. Phương pháp không chỉ nâng cao khả năng sử dụng ngôn ngữ mà còn khơi dậy hứng thú học tập của học sinh. Phương pháp xây dựng ngữ cảnh đã chuyển đổi lớp học từ mô hình “tiếp nhận thụ động” sang mô hình “tiếp nhận – trải nghiệm – diễn đạt” đa chiều. Học sinh được học thông qua nhập vai, được thể hiện thông qua tương tác.

Tóm lại, việc áp dụng phương pháp xây dựng ngữ cảnh trong giảng dạy thành ngữ ngữ ngôn không chỉ giúp nâng cao hiệu quả dạy học mà còn tăng cường nhận thức văn hóa và năng lực thực hành của người học. Phương pháp này biến quá trình dạy thành những trải nghiệm học tập phong phú và đầy ý nghĩa. Đối với giảng dạy tiếng Trung Quốc, đây là một phương pháp đáng để khuyến khích và tiếp tục phát triển. Thông qua việc thiết kế tình huống hợp lý và tổ chức lớp học một cách hiệu quả, việc giảng dạy thành ngữ ngữ ngôn sẽ không còn đơn thuần là quá trình truyền đạt kiến thức mang tính trừu tượng, mà trở thành một hành trình khám phá văn hóa đầy sinh động và hấp dẫn. Phương pháp này không chỉ giúp người học hiểu và ghi nhớ nội dung của thành ngữ một cách tự nhiên, mà còn góp phần khơi dậy hứng thú học tập, tăng cường khả năng tư duy và vận dụng ngôn ngữ trong thực tiễn. Nhờ đó, thành ngữ trở thành công cụ quan trọng trong việc nâng cao hiệu quả giảng dạy, đồng thời tạo điều kiện thuận lợi để người học tiếp cận sâu hơn với tinh thần và giá trị của văn hóa Trung Quốc.

5.3. Thiết kế trò chơi

Phương pháp “thiết kế trò chơi” đã được ứng dụng vào giảng dạy thành ngữ ngữ ngôn và được đánh giá là một hướng tiếp cận sáng tạo và hiệu quả. Thông qua việc xây dựng các trò chơi gắn liền với ý nghĩa và tình huống sử dụng của thành ngữ, phương pháp này tạo điều kiện để người học tiếp cận kiến thức trong môi trường học tập nhẹ nhàng, giàu tính trải nghiệm. Nhờ

đó, người học không chỉ nâng cao hứng thú học tập, mà còn phát triển năng lực sử dụng ngôn ngữ một cách linh hoạt và thực tiễn. Cốt lõi của phương pháp thiết kế trò chơi là “học mà chơi, chơi mà học”. Giáo viên thông qua việc thiết kế các trò chơi có mục đích và kế hoạch rõ ràng, hướng dẫn học sinh tham gia, trải nghiệm, tương tác để dần dần hiểu rõ bối cảnh và ý nghĩa của các thành ngữ ngụ ngôn. Phương pháp dạy học qua trò chơi không chỉ phá vỡ mô hình giảng dạy truyền thống đơn thuần là thuyết giảng, mà còn kích thích các giác quan, cảm xúc và tư duy của học sinh, qua đó thúc đẩy hiệu quả tiếp thu kiến thức. Khi áp dụng phương pháp này, quá trình giảng dạy thường được thực hiện qua năm bước cơ bản sau:

- *Bước 1*: xác định chủ đề trò chơi, hình thức và mục tiêu giảng dạy. Giáo viên cần lựa chọn chủ đề trò chơi gắn liền với tình tiết và ý nghĩa của thành ngữ. Mục tiêu cần tập trung vào việc giúp học sinh hiểu đúng và biết cách vận dụng linh hoạt thành ngữ trong tình huống thực tế.

- *Bước 2*: xây dựng luật chơi và quy trình hợp lý. Luật chơi cần phản ánh đúng bản chất và hàm ý của thành ngữ, có thể bao gồm: giới hạn thời gian, nhiệm vụ cụ thể, điều kiện thắng - thua... Qua quá trình thực hiện thử thách, học sinh từng bước tiếp cận và hiểu được chiều sâu tư tưởng mà thành ngữ truyền tải. Chẳng hạn, trong trò chơi về “守株待兔 (ôm cây đợi thỏ)”, học sinh phải lựa chọn giữa tiếp tục chờ đợi hay hành động chủ động, từ đó hiểu rõ hàm ý phê phán thái độ thụ động, ỷ lại.

- *Bước 3*: thiết kế nhân vật và bối cảnh – đây là khâu then chốt khi đưa yếu tố trò chơi vào trong bài học. Giáo viên cần chuyển hóa các nhân vật và tình huống trong truyện ngụ ngôn thành yếu tố trò chơi để tăng tính nhập vai.

- *Bước 4*: thúc đẩy giao tiếp và tương tác trong quá trình chơi. Giáo viên nên khuyến khích học sinh sử dụng tiếng Trung Quốc để trao đổi, hợp tác và đưa ra phán đoán.

- *Bước 5*: tổng kết sau trò chơi. Sau khi kết thúc, giáo viên nên hướng dẫn học sinh cùng nhìn lại trải nghiệm, phân tích ý nghĩa sâu xa của thành ngữ.

Ví dụ cụ thể, khi dạy “守株待兔” (ôm cây đợi thỏ), có thể thiết kế trò chơi như sau: Chia lớp thành các nhóm nhỏ (mỗi nhóm khoảng 4-5 học sinh). Mỗi nhóm sẽ lần lượt nhận các tình huống và câu hỏi liên quan đến thành ngữ “守株待兔 (ôm cây đợi thỏ)”. Các câu hỏi có thể có 3 lựa chọn, mỗi lựa chọn sẽ tương ứng với một hành động khác nhau. Nhóm học sinh sẽ phải chọn lựa hành động phù hợp nhất với hoàn cảnh và giải thích lý do cho sự lựa chọn của mình. Các tình huống giả định sẽ được giáo viên chuẩn bị trước, ví dụ như:

Tình huống 1: Một doanh nhân mở một cửa hàng, lần đầu tiên có khách đến mua hàng. Sau đó, anh ta ngừng quảng cáo và chỉ ngồi chờ khách đến mà không làm gì thêm. Câu hỏi: “Doanh nhân này nên làm gì tiếp theo?”

- A. Chờ khách đến mà không làm gì thêm
- B. Tăng cường quảng cáo và phát triển thêm sản phẩm
- C. Chỉ bán hàng trong mùa lễ hội

Tình huống 2: Một học sinh kỳ vọng đạt điểm cao mà không học bài, chỉ chờ đợi may mắn. Câu hỏi: “Học sinh này nên làm gì để thành công?”

- A. Chờ đợi kết quả thi và hy vọng may mắn
- B. Học bài và ôn luyện chăm chỉ
- C. Đi chơi với bạn bè để giảm căng thẳng

Sau khi người học lựa chọn đáp án xong, giáo viên hỏi thêm “đáp án nào phù hợp với thành ngữ ‘守株待兔 (ôm cây đợi thỏ)’”. Sau mỗi tình huống, giáo viên sẽ giải thích tại sao lựa

chọn đó là đúng hoặc sai, và kết nối với ý nghĩa của thành ngữ “守株待兔 (ôm cây đợi thỏ)”, giải thích rằng việc chỉ chờ đợi mà không hành động hoặc nỗ lực sẽ không mang lại kết quả lâu dài. Mỗi nhóm sẽ nhận điểm cho mỗi câu trả lời đúng và giải thích hợp lý. Cuối trò chơi, nhóm có số điểm cao nhất sẽ được công nhận là nhóm chiến thắng. Giáo viên sẽ tổ chức một cuộc thảo luận ngắn, hỏi học sinh về những bài học rút ra từ trò chơi. Câu hỏi có thể bao gồm: “Có bao giờ các bạn từng gặp tình huống mà chỉ chờ đợi mà không hành động?”; “Làm thế nào để tránh chờ đợi may mắn và thay vào đó là chủ động trong cuộc sống?”.

Để làm cho việc dạy thành ngữ tiếng Trung Quốc trở nên phong phú, sinh động, giáo viên có thể thiết kế nhiều trò chơi khác nhau, dưới đây là vài trò chơi phổ biến không chỉ giúp người học ghi nhớ thành ngữ dễ dàng mà còn tạo không khí học tập tích cực và hứng thú trong lớp học. Thứ nhất là trò chơi “Thành ngữ Bingo”, trong đó giáo viên chuẩn bị bảng bingo gồm các ô ghi thành ngữ khác nhau. Giáo viên có thể định nghĩa hoặc kể một câu chuyện ngắn liên quan đến thành ngữ, và người học sẽ tìm thành ngữ tương ứng trên bảng bingo rồi đánh dấu. Ai hoàn thành một hàng ngang, dọc hoặc chéo trước thì hô “Bingo!” và giành chiến thắng. Thứ hai là trò chơi “Giải mã thành ngữ”, giáo viên chia lớp thành các nhóm nhỏ và phát cho mỗi nhóm một bộ thẻ thành ngữ và thẻ định nghĩa hoặc tranh minh họa. Nhiệm vụ của người học là ghép đúng thành ngữ với nghĩa hoặc hình ảnh trong thời gian nhanh nhất. Nhóm nào hoàn thành chính xác và nhanh nhất sẽ thắng. Thứ ba là trò chơi “Đóng kịch thành ngữ”, trong đó giáo viên chia lớp thành các nhóm và giao cho mỗi nhóm một thành ngữ. Các nhóm chuẩn bị một tiểu phẩm ngắn minh họa ý nghĩa thành ngữ mà không được nói tên thành ngữ trực tiếp. Sau đó, các nhóm khác sẽ đoán tên thành ngữ đó. Thứ tư là trò chơi “Vòng quay thành ngữ”, giáo viên chuẩn bị một bảng quay chia thành các ô ghi tên thành ngữ hoặc nghĩa thành ngữ. Học viên sẽ lần lượt quay bảng, khi mũi tên chỉ vào ô nào thì học viên đó phải giải thích nghĩa thành ngữ hoặc đặt câu với nó. Nếu học viên trả lời đúng, nhóm sẽ được cộng điểm. Cuối cùng là trò chơi “Ghép tranh thành ngữ”, giáo viên chuẩn bị các tranh minh họa thể hiện ý nghĩa thành ngữ, chia lớp thành các nhóm và phát tranh cho mỗi nhóm. Người học sẽ đoán tên thành ngữ và giải thích ý nghĩa, có thể thảo luận thêm về tình huống ứng dụng của thành ngữ đó trong thực tế.

Tóm lại, việc ứng dụng phương pháp thiết kế trò chơi trong giảng dạy thành ngữ ngữ ngôn không chỉ nâng cao tính sinh động và tương tác trong lớp học, mà còn giúp học sinh hiểu sâu và nhớ lâu hơn các thành ngữ. Phương pháp này khơi dậy hứng thú học tập, phát triển tư duy logic, khả năng giao tiếp và tinh thần hợp tác của người học.

5.4. Đối chiếu

Trong giảng dạy tiếng Trung Quốc, các thành ngữ ngữ ngôn nhận được sự quan tâm rộng rãi nhờ vào cốt truyện sinh động, hàm chứa triết lý sâu sắc và cách diễn đạt ngắn gọn, súc tích. Đặc biệt đối với người Việt Nam, việc giảng dạy thành ngữ ngữ ngôn càng thể hiện rõ ưu thế và giá trị thực tiễn. Ngôn ngữ và văn hóa Việt Nam chịu ảnh hưởng sâu sắc từ văn hóa truyền thống Trung Quốc. Đặc biệt trong bối cảnh Hán tự từng được sử dụng rộng rãi như ngôn ngữ viết chính thức trong lịch sử, nhiều thành ngữ tiếng Trung Quốc sau khi được tiếp nhận và bản địa hóa đã được lưu giữ trong tiếng Việt dưới dạng những biểu đạt có ý nghĩa tương đương và cấu trúc tương tự. Điều này không chỉ cung cấp cho giáo viên tiếng Trung Quốc nguồn tài nguyên giảng dạy quý giá mà còn mở ra một hướng tiếp cận độc đáo trong giảng dạy ngôn ngữ liên văn hóa Trung - Việt.

Trong thực tiễn giảng dạy, việc vận dụng hiệu quả phương pháp giảng dạy dựa trên đối chiếu nhằm hướng dẫn học sinh Việt Nam so sánh các thành ngữ ngữ ngôn tương đồng giữa tiếng Việt và tiếng Trung Quốc có thể góp phần giảm thiểu đáng kể độ phức tạp trong quá trình học tập, đồng thời nâng cao năng lực nhận thức văn hóa của người học. Chiến lược giảng dạy

này lấy các biểu đạt quen thuộc trong tiếng mẹ đẻ làm điểm xuất phát, từ đó thông qua các bước đối chiếu, phân tích và vận dụng, từng bước giúp học sinh nắm bắt được cấu trúc, ý nghĩa và logic văn hóa hàm ẩn trong các thành ngữ tiếng Trung Quốc. Qua đó, người học có thể xây dựng được nhận thức sâu sắc trên cả hai phương diện: ngôn ngữ và văn hóa.

Trước hết, giữa tiếng Trung Quốc và tiếng Việt tồn tại nhiều thành ngữ ngụ ngôn có nội dung và cấu trúc cốt truyện tương đồng. Ví dụ, thành ngữ tiếng Trung Quốc “狐假虎威 (cáo mượn oai hùm)” có đối ứng trong tiếng Việt là “Cáo mượn oai hùm”, đều bắt nguồn từ câu chuyện ngụ ngôn về con cáo mượn uy thế của hổ để dọa muông thú; hay “井底之蛙 (Ếch ngồi đáy giếng)” tương ứng với tiếng Việt là “Ếch ngồi đáy giếng”, đều dùng để ví von những người có tầm nhìn hạn hẹp. Những thành ngữ này không chỉ giữ lại các nhân vật và tình tiết chính trong câu chuyện mà còn thể hiện các giá trị văn hóa tương đồng, chẳng hạn như: cảnh báo con người không nên ỷ thế hiếp yếu, hay không nên bảo thủ, tự mãn. Vì vậy, giáo viên hoàn toàn có thể lựa chọn những cặp thành ngữ đối ứng này làm tư liệu giảng dạy, dẫn dắt học sinh triển khai học tập đối chiếu.

Tiếp theo, trong quá trình giảng dạy cụ thể, giáo viên có thể tổ chức nội dung lớp học theo bốn bước: dẫn nhập – giảng giải – đối chiếu – vận dụng. Trước tiên là giai đoạn dẫn nhập thành ngữ, giáo viên nên bắt đầu từ thành ngữ tiếng Việt mà học sinh đã quen thuộc, thông qua đặt câu hỏi để gợi mở suy nghĩ và khơi gợi trí nhớ của học sinh về ý nghĩa và cách sử dụng thành ngữ. Lấy “狐假虎威 (cáo mượn oai hùm)” làm ví dụ, giáo viên có thể yêu cầu học sinh giải thích nghĩa của “Cáo mượn oai hùm” và nêu ra ví dụ thực tế trong cuộc sống, từ đó dẫn dắt đến thành ngữ tiếng Trung Quốc nhằm kích thích hứng thú học tập.

Bước tiếp theo là giảng giải thành ngữ, trong đó, giáo viên cần trình bày rõ nguồn gốc và bối cảnh của câu chuyện ngụ ngôn tiếng Trung Quốc, kết hợp với hình ảnh, hoạt họa hoặc video minh họa, giúp học sinh hình dung cụ thể hơn về nội dung thành ngữ. Tại thời điểm này, giáo viên cũng nên nhấn mạnh giá trị văn hóa hàm chứa trong thành ngữ, chẳng hạn như “狐假虎威 (cáo mượn oai hùm)” phản ánh vấn đề phụ thuộc quyền lực, cũng như sự khôn ngoan trong việc nhìn người xét thế. Sau phần giảng giải là bước đối chiếu, giáo viên có thể tổ chức cho học sinh dịch các thành ngữ tiếng Việt sang tiếng Trung Quốc, hoặc ngược lại, dịch thành ngữ tiếng Trung Quốc sang tiếng Việt, từ đó so sánh sự khác biệt và tương đồng giữa hai bên về cách lựa chọn từ ngữ, cấu trúc cú pháp và ngụ ý văn hóa. Ví dụ, “掩耳盗铃” và “Bịt tai trộm chuông” đều mô tả hành vi tự lừa dối mình.

Phương pháp giảng dạy này mang lại nhiều hiệu quả giáo dục trong thực tiễn. Thứ nhất, dựa trên ngôn ngữ mẹ đẻ của học sinh, nó giúp quá trình học tập trở nên thân thuộc và tự nhiên hơn, giảm bớt rào cản ngôn ngữ, tăng cường hiệu quả tiếp nhận. Thứ hai, thông qua đối chiếu giữa các câu chuyện thành ngữ và các biểu đạt tương ứng trong tiếng mẹ đẻ, học sinh có thể phát triển năng lực cảm thụ văn hóa và tư duy liên văn hóa, từ đó không những học tốt ngôn ngữ mà còn thấu hiểu logic văn hóa sâu xa của tiếng Trung Quốc. Thứ ba, với sự hỗ trợ của dạy học theo tình huống và tương tác, học sinh có thể sử dụng thành ngữ một cách tự tin và lưu loát hơn.

Tóm lại, nếu việc giảng dạy thành ngữ ngụ ngôn Trung - Việt được ứng dụng linh hoạt phương pháp đối chiếu dịch thuật thì không những khơi dậy được hứng thú học tập mà còn thúc đẩy sự hòa quyện giữa ngôn ngữ và văn hóa, nâng cao hiệu quả giảng dạy. Thành ngữ ngụ ngôn không chỉ chứa đựng tri thức ngôn ngữ mà còn là hiện thân của tinh thần văn hóa Trung Quốc sâu sắc. Nhờ “cây cầu” là các thành ngữ tiếng mẹ đẻ, học sinh Việt Nam có thể nhanh chóng bước vào thế giới ngôn ngữ và văn hóa của tiếng Trung Quốc. Do đó, giáo viên giảng dạy tiếng Trung Quốc cần tích cực khai thác và phát triển kho tàng thành ngữ Trung - Việt, đồng thời thiết

kể các hoạt động giảng dạy linh hoạt, phong phú phù hợp với từng đối tượng người học.

6. Kết luận

Các thành ngữ ngụ ngôn phần lớn bắt nguồn từ các truyện ngụ ngôn thời Tiên Tần, nổi bật với tính chất kể chuyện sinh động, ngôn ngữ cô đọng và hàm nghĩa sâu sắc. Đây là một hình thức quan trọng trong việc tiếp nhận và truyền tải văn hóa truyền thống Trung Quốc. Trong quá trình giảng dạy tiếng Trung Quốc, thành ngữ ngụ ngôn không chỉ góp phần nâng cao năng lực diễn đạt ngôn ngữ cho người học mà còn đóng vai trò đặc biệt trong việc truyền bá văn hóa và thúc đẩy hiểu biết liên văn hóa. Bài viết này tập trung nghiên cứu việc giảng dạy thành ngữ ngụ ngôn đối với đối tượng là sinh viên năm thứ hai học tiếng Trung Quốc.

Trước hết, thông qua việc tham khảo hệ thống các tài liệu liên quan, bài viết đã khái quát một cách có hệ thống những đặc điểm cơ bản của thành ngữ ngụ ngôn, trên cơ sở đó, bài viết xác định rõ giá trị của việc giảng dạy thành ngữ ngụ ngôn, đó là: giúp người học xây dựng hệ thống nhận thức về thành ngữ, nâng cao năng lực diễn đạt và giao tiếp bằng tiếng Trung Quốc; đồng thời, thông qua quá trình học tập thành ngữ, tăng cường sự hiểu biết văn hóa Trung Quốc và giúp người học phát triển khả năng tư duy ngôn ngữ.

Tiếp theo, nghiên cứu đã kết hợp phương pháp khảo sát bằng phiếu điều tra và phỏng vấn nhằm tìm hiểu mức độ nắm bắt thành ngữ ngụ ngôn của sinh viên, các khó khăn mà họ gặp phải cũng như những kỳ vọng trong quá trình học tập. Kết quả cho thấy tuy phần lớn sinh viên bày tỏ sự yêu thích đối với các câu chuyện thành ngữ, song vẫn gặp khó khăn trong việc lĩnh hội ý nghĩa sâu xa và áp dụng vào thực tiễn, từ đó cho thấy sự cần thiết của các phương pháp giảng dạy phù hợp và hiệu quả hơn.

Trong giai đoạn thực hành giảng dạy, bài viết dựa trên các tiết học thực tế, thông qua quan sát lớp học, hoạt động nhóm và bài tập của sinh viên để thu thập phản hồi và phân tích hiệu quả giảng dạy. Kết quả nghiên cứu cho thấy việc kết hợp đa dạng các phương pháp như: dạy học theo trò chơi, đối chiếu, kể chuyện, xây dựng ngữ cảnh,... có thể nâng cao đáng kể mức độ tham gia và khả năng tiếp thu thành ngữ của sinh viên. Đồng thời, việc bổ sung kiến thức nền văn hóa trong quá trình giảng dạy cũng giúp sinh viên hiểu sâu hơn về các giá trị văn hóa được hàm chứa trong thành ngữ.

Cuối cùng, trên cơ sở thực tiễn giảng dạy, bài viết đưa ra một số kiến nghị: Thứ nhất, cần áp dụng linh hoạt và đa dạng các phương pháp giảng dạy như: kể chuyện, xây dựng ngữ cảnh và dịch thuật; Thứ hai, cần thiết kế các hình thức luyện tập hiệu quả nhằm tăng cường khả năng vận dụng ngôn ngữ. Hy vọng nghiên cứu này có thể đóng góp cho công tác giảng dạy thành ngữ trong tương lai, từ đó thúc đẩy việc truyền bá hiệu quả các thành ngữ ngụ ngôn trong giảng dạy tiếng Trung Quốc.

Tài liệu tham khảo

- Bao, Y. Y. (2005). *Dictionary of Language*. Shanghai Lexicographical Publishing House.
- Cai, Z. L. (2018). *An Action Research on the Teaching of Classical Chinese for Foreigners — Taking Idiomatic Fable Stories as an Example*. National Chengchi University.
- Hoang, P. (1998). *Vietnamese Dictionary*. Center for Lexicography.
- Ma, Y. X. (2025). Research on Idiom Teaching from the Perspective of “Telling Good Chinese Stories”. *Innovative Education Research*, 13(4), 250–257. <https://www.hanspub.org/journal/paperinformation?paperid=111455>
- Ngo, H. D. & Do, H. T. (2021). Chinese Culture Reflected in Idioms Containing the Character “火” (Compared with Vietnamese). *Journal of Foreign Languages Studies (Hanoi University)*, 67, 96–106. <https://doi.org/10.56844/tckhnn.67.93>

- Nguyen, D. H. (2019). Vietnamese Students' Problems in Their Use of Chinese Idioms and Suggestions for Improvement. *Journal of Foreign Studies*, 35(2), 53-69.
<https://jfs.ulis.vnu.edu.vn/index.php/fs/article/view/4349/4038>
- Sun, H. D. (2011). *Dictionary of Chinese Proverbs*. The Commercial Press.
- Xu, X. D. (2021). A Preliminary Exploration of the Compilation Principles of Chinese Idioms in Textbooks for Foreign Learners. *Publication and Literary Education (Upper Edition)*, 10, 174–175.
- Zhang, K. X. (2023). An Analysis of Teaching Idiomatic Fable Stories in Teaching Chinese as a Foreign Language. *Publication and Journal of Chinese Character Culture*, 23, 87–89.